

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2019/DS-ST

Ngày: 09-5-2019

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Bùi Thị Diễm.

2/ Ông Nguyễn Văn Xuôi.

Thư ký phiên toà: Ông Đinh Văn Dư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc: *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị N, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp G B, xã H H, huyện C L, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Đặng Thanh T, sinh năm 1980 (Vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: ấp K N, xã Đ P, huyện C L, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản khai, tại phiên hòa giải và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn bà Võ Thị N có lời trình bày: Vào ngày 13 tháng 12 năm 2017dl ông Đặng Thanh T có hỏi vay của bà số tiền 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*), thời hạn vay tiền là 07 ngày, hai bên thỏa thuận mức lãi suất 1,5%/ tháng, khi vay tiền ông T có viết biên nhận và kí tên trong biên nhận với bà. Nhưng sau khi vay tiền đến hạn trả thì ông T không trả tiền cho bà và bà có đến gặp ông T nhiều lần đề yêu cầu ông trả số tiền vốn và lãi nhưng ông T cố tình không trả tiền cho bà cho đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu ông T trả cho bà số tiền vay còn nợ là 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi theo mức lãi suất Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam quy định 1,5%/tháng tính từ ngày 13/12/2017dl đến ngày 13/9/2018dl là 6.750.000đồng (*Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) và lãi từ ngày 13/9/2018dl cho đến nay là 6.000.000đồng (*Sáu triệu đồng*). Ngoài ra bà N không còn yêu cầu gì thêm.

Theo bản khai, tại phiên hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đặng Thanh T có lời trình bày: Ông thừa nhận vào năm 2017 ông có vay của bà N số tiền 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*), lãi suất hai bên thỏa thuận là 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày thời hạn vay là 07 ngày ông trả tiền cho bà N, việc vay tiền ông có viết biên nhận với bà N. Sau khi vay tiền ông có đóng lãi cho bà N được hai lần cụ thể: Lần 1 tại quán cafe Hoa Kiểng Trà Vinh ông đưa cho bà N số tiền lãi là 5.000.000đồng (*Năm triệu đồng*) và lần 2 tại đầu chợ B P, huyện C L ông có đưa cho bà N số tiền lãi là 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*), khi đưa tiền chỉ có mặt ông với bà N không có ai biết việc này và ông cũng không có giấy tờ gì để chứng minh cho việc đóng lãi này cho bà N. Thời gian qua do ông làm ăn thua lỗ nên đến nay ông chưa trả cho bà N số tiền vốn này. Ông thừa nhận và đồng ý trả cho bà N số tiền vay còn nợ là 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*), phần tiền lãi ông không đồng ý theo yêu cầu của bà N do ông đã đóng cho bà N được số tiền tổng cộng là 15.000.000đồng (*Mười lăm triệu đồng*) nay ông không có khả năng đóng lãi tiếp cho bà N. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì thêm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ kiện nhiều lần nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà N vẫn giữ nguyên lời trình bày phía bị đơn ông T vắng mặt không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên kết luận trình tự thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng qui định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên ông Đặng Thanh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do là chưa chấp hành nghiêm, Phía Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Tuấn và việc vắng mặt của ông T không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án. Vì đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 274, 280, 357, 466 và khoản 2 điều 468 của Bộ Luật dân sự; áp dụng các điều 26, 35, 147, 227, 228 và 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; áp dụng điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị N. Buộc ông Đặng Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị N số tiền gốc là 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi tính đến ngày xét xử ngày 09/5/2019 là 16 tháng 18 ngày với số tiền lãi là 6.889.000đồng (*Sáu triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng*). Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 56.889.000đồng (*Năm mươi sáu triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng*).

Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà N về số tiền lãi. Ngoài ra Vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay ông Đặng Thanh T là bị đơn trong vụ án được Tòa án tổng đạt hợp lệ, nhưng ông vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào các điều 227 và điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 13 tháng 12 năm 2017dl bà N có cho ông T vay số tiền 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*), mục đích vay tiền là để ông T về đảo nợ Ngân hàng, thời hạn vay là 07 ngày, hai bên có làm biên nhận do ông T viết và kí tên. Sau khi vay tiền đến hạn trả nợ ông T không trả vốn, không đóng lãi cho bà N. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao dịch hợp đồng vay tiền giữa bà N với ông T là có thật, sự việc này được chứng minh tại biên nhận vay tiền đề ngày 13 tháng 12 năm 2017dl do ông T viết và kí tên, tại bản tự khai, qua các phiên hòa giải ông T đều thừa nhận sự việc ông có vay tiền của bà N số tiền 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*), thời hạn trả tiền là 07 ngày, đối với số tiền vay các bên đương sự đều thừa nhận sự việc này. Căn cứ vào Điều 92 của Bộ Luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết sự kiện các bên đương sự thừa nhận, nên không phải chứng minh. Do đó bà N yêu cầu ông T trả số tiền vốn 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*) là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Bà N cho rằng từ khi ông T vay tiền của bà đến nay ông T không đóng lãi cho bà lần nào. Phía ông T thì cho rằng ông đóng lãi cho bà N được hai lần với số tiền 15.000.000đồng (*Mười lăm triệu đồng*). Căn cứ vào Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh, đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải đưa ra chứng cứ để chứng minh. Việc ông T ý kiến ông đã đóng lãi cho bà N số tiền là 15.000.000đồng (*Mười lăm triệu đồng*), Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có thông báo số: 06/TB-TA, ngày 11 tháng 02 năm 2019 cho ông T giao nộp chứng cứ, nhưng ông T không có ý kiến và không có chứng cứ gì để chứng minh là ông đã đóng lãi cho bà N như ông đã trình bày, nên việc nại ra của ông T là không có cơ sở chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy việc ông T vay tiền của bà N thì phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho bà N theo thỏa thuận, đó là trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền “*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*” quy định tại điều 257 Bộ Luật dân

sự. Tuy nhiên đối với yêu cầu tính lãi của bà N là 1,5%/tháng theo lãi suất Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt nam quy định là quá cao không thể chấp nhận được. Do bà N và ông T có thỏa thuận việc trả lãi nhưng hai bên không thống nhất về lãi suất. Do đó căn cứ vào khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 điều 468, tức là lãi suất được tính bằng 10%/năm được tính lại như sau:

- Lãi được tính từ ngày 21/12/2017dl đến ngày 09/5/2019dl là 16 tháng 18 ngày (số tiền vốn 50.000.000đồng x 0.83%/tháng x 16 tháng 18 ngày = 6.889.000đồng (*Sáu triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng*)). Tổng cộng vốn và lãi là: 56.889.000đồng (*Năm mươi sáu triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng*).

[4] Không chấp nhận phần yêu cầu về tiền lãi chênh lệch của bà N là 5.861.000đồng (*Năm triệu tám trăm sáu mươi một nghìn đồng*)

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của Vị kiểm sát viên là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 274, 280, 375, 466 và 468 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng các Điều 26, 35, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị N.

[2] Buộc ông Đặng Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị N số tiền vay gốc còn nợ là 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi là 6.889.000đồng (*Sáu triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng*). Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 56.889.000đồng (*Năm mươi sáu triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng*).

[3] Không chấp nhận phần yêu cầu về tiền lãi chênh lệch của bà N là 5.861.000đồng (*Năm triệu tám trăm sáu mươi một nghìn đồng*)

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Thanh T có nghĩa vụ nộp số tiền là 2.844.500đồng (*Hai triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng*).

- Bà Võ Thị N phải nộp án phí do phần yêu cầu về tiền lãi không được chấp nhận là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Nhưng được trừ qua số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp là 1.419.000đồng (*Một triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng*)

theo biên lai thu tiền số AA/2015/0018675, ngày 21 tháng 12 năm 2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Bà Võ Thị N được nhận lại số tiền chênh lệch là 1.119.000đồng (*Một triệu một trăm mười chín nghìn đồng*)

[5] Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định tại Điều 174 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh.
- VKSND huyện, tỉnh.
- Chi cục THADS huyện C L.
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Thị Liên

